TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BA ĐỒN
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 62/2019/HS-ST
Ngày: 10 - 12 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tưởng Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Công Nghĩa và ông Trần Xuân Lợi

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Ngô Thục Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Phương Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 61/2019/TLST-HS ngày 14/11/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2019/QĐXXST-HS ngày 15/11/2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Trần L, sinh ngày 10 tháng 10 năm 1976 tại phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; Nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức L (đã chết) và bà Trần Thị L; có vợ là Nguyễn Thị H và 02 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2005; về nhân thân: năm 1999 bị Toà án nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Bình xử phạt 09 tháng tù, cho hưởng án treo về tội "Trộm cắp tài sản công dân"; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 26/8/2019 đến ngày 04/9/2019 thì được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Thị H, sinh ngày 10 tháng 12 năm 1972 tại phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; Nơi cư trú: Khu phố 6, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thái Ư (đã chết) và bà Nguyễn Thị L; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 26/8/2019 đến ngày 04/9/2019 thì được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- *Người liên quan:*

+ Chị Hoàng Thị Kim C, sinh năm: 1975; nơi cư trú: Khu phố 5, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình - vắng mặt

+ Chị Nguyễn Thị Hồng P, sinh năm: 1965; nơi cư trú: Khu phố 1, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình - vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào sáng ngày 26/8/2019, Nguyễn Trần L đang ở nhà của mình thì nảy sinh ý định tổ chức đánh bạc bằng hình thức ghi số lô, số đề và căn cứ vào kết quả xổ số kiến thiết của tỉnh Thừa Thiên Huế mở thưởng vào lúc 17 giờ 15 phút cùng ngày, để đối chiếu với các số lô, số đề ghi trong từng bảng để tính toán thắng thua với người chơi lô, đề, người trúng thắng được L chi trả tiền, còn L được hưởng số tiền người chơi thua. Tỷ lệ thắng được quy ước tính tùy từng loại hình thức "lô" mà người chơi mua số đặt cược, cụ thể gồm các loại như sau: Loại "1 Lô": Tức là người chơi mua số có 03 chữ số, nếu trùng với 03 chữ số cuối của giải đặc biệt, thì người chơi thắng với tỷ lệ gấp 600 lần số tiền đã mua số; Loại "6 Lô": Tức là người chơi mua số có 03 chữ số, nếu trùng với 03 chữ số cuối của các giải đặc biệt, giải 5, 6 và 7, thì người chơi thắng với tỷ lệ gấp 100 lần số tiền đã mua số; Loại "17 Lô": Tức là người chơi mua số có 03 chữ số, nếu trùng với 03 chữ số cuối của tất cả các giải trừ giải Tám, thì người chơi thắng với tỷ lệ gấp 35 lần số tiền đã mua số; Loại "3 Lô": Tức là người chơi mua số có 03 chữ số, đặt cược vào các loại 1 Lô, 6 Lô và 17 Lô, nếu trúng vào loại nào thì thắng với tỷ lệ tương ứng; Loại "Đầu": Tức là người chơi mua số có 02 chữ số, nếu trùng với 02 chữ số cuối của giải đặc biệt, thì người chơi thắng với tỷ lệ gấp 70 lần số tiền đã mua số; Loại "Đuôi": Tức là người chơi mua số có 02 chữ số, nếu trùng với kết quả giải Tám, thì người chơi thắng với tỷ lệ gấp 70 lần số tiền đã mua số; Loại "2 Lô, hay Đầu Đuôi": Tức là người chơi mua số có 02 chữ số, đánh cược vào các loại Đầu hoặc Đuôi, nếu trúng vào một trong hai loại thì thắng với tỷ lệ gấp 35 lần số tiền đã mua số; Loại "18 Lô": Tức là người chơi mua số có 02 chữ số, nếu trùng với 02 chữ số cuối của tất cả các giải, thì người chơi thắng với tỷ lệ gấp 5 lần số tiền đã mua số.

Để thực hiện hành vi của mình, L đến đặt vấn đề với chị Nguyễn Thị H, chị Hoàng Thị Kim C và chị Nguyễn Thị Hồng P để làm thư ký ghi đề thì nhận được sự đồng ý. Các thư ký có nhiệm vụ ghi lại những con số do người chơi đánh lô, đề vào một tờ giấy (thường gọi là sớ), nhận tiền từ người chơi rồi Liệu sẽ đến lấy sớ và tiền. Sau đó, căn cứ vào sớ để trích tiền phần trăm hoa hồng cho thư ký từ tiền của người mua lô, đề trong ngày theo tỷ lệ 10% từ tổng số tiền bán được đó có 02 chữ số, tương

ứng với loại "đầu-đuôi", "2 lô", "18 lô" và tỷ lệ 28% từ tổng số tiền bán được số có 03 chữ số, tương ứng loại "1 lô", "6 lô", "17 lô", "3 lô".

Đến khoảng 16 giờ 40 phút cùng ngày, L điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, sơn màu đen - đỏ, biển kiểm soát 73K1-02787 đi đến các địa điểm của thư ký ghi đề để thu gom bảng đề và tiền khách ghi số lô, số đề về. Cụ thể, tại địa điểm của chị Hoàng Thị Kim C thu về 01 sớ đề, trên sớ thể hiện số tiền 1.459.000 đồng; tại địa điểm của chị Nguyễn Thị Hồng P thu về 01 sớ đề, trên sớ thể hiện số tiền là 2.820.000 đồng. Khi L đến địa điểm ghi lô, đề của Nguyễn Thị H ở trước cổng Ngân hàng BIDV chi nhánh Bắc Quảng Bình thuộc khu phố 4, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình và giao nhận sớ đề (số tiền trên sớ thể hiện số tiền 6.703.000 đồng) cùng số tiền 540.000 đồng thì bị Tổ công tác Công an thị xã B kiểm tra, phát hiện và bắt quả tang.

Tang vật thu được từ Nguyễn Trần L gồm: 03 tờ sớ đề, với số tiền thể hiện trên 03 sớ là 10.982.000 đồng; tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam 5.160.000 đồng; 01 ví da nam, màu đen, kích thước (10x20) cm, thân có dòng chữ Burberry; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, sơn màu đen - đỏ, biển kiểm soát 73K1-02787, đã qua sử dụng; thu giữ từ Nguyễn Thị H số tiền 6.163.000 đồng; 01 bút bi mực màu đen, hiệu Thiên Long, đã qua sử dụng; 01 bàn nhựa màu đỏ, hiệu Việt - Nhật, kích thước (60x40x50)cm, đã qua sử dụng; 01 ghế nhựa màu đỏ, cao 60cm, nhãn hiệu Việt - Nhật, đã qua sử dụng; thu giữ từ Hoàng Thị Kim C số tiền 1.459.000 đồng và Nguyễn Thị Hồng P số tiền 2.820.000 đồng.

Quá trình điều tra, xác định, trong tổng số tiền đã thu giữ được có 4.620.000 đồng là thuộc sở hữu của Nguyễn Trần L, không liên quan đến hành vi phạm tội nên đã xử lý trả lại cho chủ sở hữu là Nguyễn Trần L

Liên quan trong vụ án có chị Hoàng Thị Kim C và chị Nguyễn Thị Hồng P là những người làm thư ký ghi số lô, đề cho Nguyễn Trần L với số tiền dùng để đánh bạc lần lượt là 1.459.000 đồng và 2.820.000 đồng. Quá trình điều tra, xét thấy số tiền mà chị C và chị P dùng để đánh bạc chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự; chị Hoàng Thị Kim C chưa có tiền án, tiền sự; chị Nguyễn Thị Hồng P vào ngày 29/8/2006 bị TAND huyện Q xử phạt 15 tháng cải tạo không giam giữ về hành vi "Đánh bạc" nhưng đã chấp hành xong và thuộc trường hợp đương nhiên được xoá án tích, đến ngày 26/01/2016 bị Công an phường B xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc và đã chấp hành xong nên thuộc trường hợp được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính. Vì vậy, hành vi của chị Hoàng Thị Kim C và chị Nguyễn Thị Hồng P chưa đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc" nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B chuyển hồ sơ cho Công an thị xã B xử lý hành chính.

Tại bản Cáo trạng số 60/CT-VKSTXBĐ ngày 11 tháng 11 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình đã truy tố các bị cáo Nguyễn Trần L và

Nguyễn Thị H về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 321, khoản 3 Điều 321, khoản 2 Điều 35, Điều 36, các điểm s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Trần L từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ; áp dụng khoản 1 Điều 321, khoản 3 Điều 321, khoản 2 Điều 35, Điều 36, các điểm i, s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ; phạt bổ sung hai bị cáo Nguyễn Trần L và Nguyễn Thị H mỗi bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng

Về xử lý vật chứng: Áp dụng các điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; các điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 10.982.000 đồng và tịch thu tiêu hủy 01 bút bi, mực màu đen, 01 bàn nhựa, màu đỏ, 01 ghế nhựa màu đỏ; 01 ví da màu đen. Riêng đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, sơn màu đen - đỏ, biển kiểm soát 73K1-02787 được xác định là tài sản chung của vợ chồng đồng thời là phương tiện duy nhất phục vụ cho việc kiếm sống của gia đình bị cáo Nguyễn Trần L nên cần áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự trả lại cho chị Nguyễn Thị H (vợ bị cáo L).

Các bị cáo đều nhất trí tội danh, khung hình phạt mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với các bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại lời nói sau cùng, các bị cáo trình bày là đã ân hận và nhận thức được sự sai trái trong hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thị xã B, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, việc thu giữ các vật chứng của vụ án và các hành vi, quyết định tố tụng khác của Điều tra viên đều được thực hiện đúng pháp luật. Việc truy tố của Viện kiểm sát là đúng thẩm quyền, tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định.

[2] Về hành vi phạm tội:

Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang cũng như nội dụng bản Cáo trạng của Viện kiểm sát cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội

đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: vì muốn kiếm lợi nhanh chóng Nguyễn Trần L và Nguyễn Thị H đã có hành vi đánh bạc với hình thức ghi số lô, số đề và ăn thua theo tỷ lệ căn cứ vào kết quả xổ số kiến thiết của tỉnh Thừa Thiên Huế mở thưởng vào lúc 17 giờ 15 phút cùng ngày. Trong đó Nguyễn Trần L làm chủ số lô, đề có tổng số tiền dùng để đánh bạc thu được là 10.982.000 đồng. Nguyễn Thị H là thư ký ghi số lô, đề cho L, có tổng số tiền thu được từ việc bán số lô, đề cho khách là 6.703.000 đồng. Như vậy, đã có đủ căn cứ kết luận: các bị cáo Nguyễn Trần L và Nguyễn Thị H phạm tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội:

Hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện là gây nguy hại cho xã hội. Hành vi đó đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, xâm phạm trật tự an toàn và nếp sống văn minh của xã hội. Các bị cáo là những người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức pháp luật, nhận thức được hành vi đánh bạc trái phép là tệ nạn và luôn bị xã hội lên án nhưng vì muốn hưởng lợi nhanh chóng, coi thường pháp luật nên các bị cáo đã cố tình thực hiện hành vi đánh bạc mặc dù vẫn nhận thức được rõ hành vi đó là vi phạm pháp luật. Do đó, cần có một mức hình phạt nghiêm nhằm răn đe, giáo dục riêng đối với các bị cáo đồng thời góp phần đấu tranh ngăn chặn đẩy lùi tệ nạn cờ bạc trong toàn xã hội nói chung và trên địa bàn thị xã B nói riêng.

[4] Xét vai trò,vị trí của các bị cáo:

Trong vụ án này, Liệu là người đóng vai trò cầm đầu, chủ động và trực tiếp liên hệ với bị cáo H và 2 người khác đứng ra làm thư ký ghi số lô, số đề cho mình và trích tiền hoa hồng cho các thư ký nên L phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án. Bị cáo H đã có hành vi đánh bạc, làm thư ký giúp sức cho L trong việc ghi số lô đề nhằm hưởng tiền hoa hồng từ số tiền người khác chơi số lô, số đề ghi được. Vì vậy, bị cáo cũng phải chịu trách nhiệm sau L với một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi mà các bị cáo đã gây ra.

[4]Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt:

Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng và được hưởng tình tiết giảm nhẹ sau:

Bị cáo Nguyễn Trần L trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo tích cực phối hợp với cơ quan điều tra về việc khai báo những người tham gia đánh bạc trong quá trình giải quyết vụ án nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s, t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo cũng tích cực phối hợp với cơ quan điều tra về việc nộp số tiền do bị cáo đánh

bạc mà có nhằm giải quyết nhanh chóng vụ án nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s, t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự

[5] Về hình phạt:

Xét thấy các bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng nên chưa cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà cần căn cứ vào Điều 36 của Bộ luật Hình sự cho các bị cáo được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ, giao về chính quyền địa phương giám sát, giáo dục là cũng đủ nghiêm và phù hợp với chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật nhà nước ta. Ngoài hình phạt chính cần căn cứ vào khoản 2 Điều 35 và khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự để áp dụng thêm hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo mới có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung. Các bị cáo có nghề nghiệp nhưng hoàn cảnh gia đình khó khăn, thu nhập không ổn định nên không áp dụng biện pháp khấu trừ một phần thu nhập của các bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt.

[6] Về vật chứng vụ án:

Xét thấy việc thu giữ và trả lại cho bị cáo Nguyễn Trần L số tiền 4.620.000 đồng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B là hoàn toàn phù hợp do đây là tài sản của bị cáo dùng cho việc trả nợ ngân hàng, không sử dụng vào việc đánh bạc.

Đối với số tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam 10.982.000 đồng là số tiền các bị cáo phạm tội mà có. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự tịch thu sung công quỹ nhà nước là phù hợp; đối với 01 ví da nam; 01 bút bi mực màu đen; 01 bàn nhựa màu đỏ; 01 ghế nhựa màu đỏ, đã qua sử dụng là công cụ dùng vào việc phạm tội. Vì vậy, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, sơn màu đen - đỏ, biển kiểm soát 73K1-02787, đã qua sử dụng, được xác định là tài sản chung đồng thời là phương tiện kiếm sống duy nhất của gia đình bị cáo nên cần căn cứ vào 2 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự trả lại cho chị Nguyễn Thị H là phù hợp.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Trần L và Nguyễn Thị H phạm tội "Đánh bạc"

2. Về hình phạt:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, khoản 3 Điều 321, khoản 2 Điều 35, Điều 36; các điểm s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Trần L 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian bị cáo bị bắt tạm giữ (từ ngày 26/8/2019 đến ngày 04/9/2019) được quy đổi thành 27 (hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại buộc bị cáo phải chấp hành là 11 (mười một) tháng 3 (ba) ngày. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bán án.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, khoản 3 Điều 321, khoản 2 Điều 35, Điều 36, các điểm i, s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian bị cáo bị bắt tạm giữ (từ ngày 26/8/2019 đến ngày 04/9/2019) được quy đổi thành 27 (hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại buộc bị cáo phải chấp hành là 08(tám) tháng 3 (ba) ngày. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bán án.

Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo vì hoàn cảnh gia đình khó khăn, thu nhập không ổn định.

Phạt bổ sung hai bị cáo Nguyễn Trần L và Nguyễn Thị H mỗi bị cáo 10.000.000 đồng. Thời hạn chấp hành hình phạt bổ sung kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Giao bị cáo Nguyễn Trần L cho Uỷ ban nhân dân phường Q, thị xã Ba, tỉnh Quảng Bình và giao bị cáo Nguyễn Thị H cho Ủy ban nhân dân phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình phối hợp cùng với gia đình để giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt.

2. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, tịch thu, nộp Ngân sách nhà nước số tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam 10.982.000 đồng;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, tịch thu tiêu hủy 01 ví da nam; 01 bút bi mực màu đen; 01 bàn nhựa; 01 ghế nhựa (Những vật chứng trên có đặc điểm như mô tả tại Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B với Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B ngày 14/11/2019).

Căn cứ vào khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, sơn màu đen - đỏ, biển kiểm soát 73K1-02787 cho chị Nguyễn Thị H (vợ bị cáo L).

3. Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Buộc các bị cáo Nguyễn Trần L và Nguyễn Thị H phải nộp mỗi bị cáo 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo:

Án xử sơ thẩm, các bị cáo, người liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (10/12/2019).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Tưởng Thị Hà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình:
- CA thị xã B;
- VKSND thị xã B;
- THADS thị xã B;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- Bị cáo và người liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.